

Bản án số: 499/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Đạt
- Bà Lê Thị Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm xxxx. (*xin vắng mặt*)
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm xxx. (*xin vắng mặt*)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 16/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn vào tháng 01/2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh thường xuyên đi biển, tháng 6/2023 khi về nhà thì anh hay tin chị T bỏ nhà đi vì có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không còn muốn chung sống với anh. Hiện vợ chồng anh không còn chung sống và không còn liên lạc với nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T xin vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến đề ngày 17/11/2023 có nội dung đồng ý ly hôn với anh Q. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Q, nhận thấy:

Vợ chồng anh chị kết hôn vào tháng 01/2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 09/01/2023 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2023, với tình tiết và nguyên nhân như anh Q trình bày, hiện vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không quan tâm nhau và chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Q nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q, cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Q yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q, cho anh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ T.

2. Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029045 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như anh đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND thị trấn VL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên